KIỂM SOÁT TIẾNG ỒN THEO PHÁP LUẬT HOA KỲ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ThS TRẦN LINH HUÂN
Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Commercial Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Hoa Kỳ được biết đến như một quốc gia tiên phong trong việc xây dựng hệ thống pháp luật kiểm soát tiếng ồn toàn diện với Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972. Với các thách thức hiện nay, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ Hoa Kỳ để xây dựng một khung pháp lý kiểm soát tiếng ồn phù hợp, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý tiếng ồn, bảo vệ môi trường sống và thúc đẩy phát triển bền vững. Bài viết tập trung làm rõ sự cần thiết của việc học hỏi kinh nghiệm pháp luật Hoa Kỳ về kiểm soát tiếng ồn cho Việt Nam, đồng thời phân tích, đánh giá làm rõ một số điểm nổi bật trong quy định về kiểm soát tiếng ồn theo pháp luật Hoa Kỳ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về vấn đề này.

Từ khóa: *kiểm soát tiếng ồn, pháp luật, Hoa Kỳ, kinh nghiệm, Việt Nam*

Abstract

The United States is recognized as a pioneer in establishing a comprehensive legal framework for noise control with the enactment of the Noise Control Act of 1972. Facing current challenges, Vietnam can draw valuable lessons from the U.S. to develop an appropriate legal framework for noise control, thereby enhancing noise management efficiency, protecting the living environment, and promoting sustainable development. This article focuses on the necessity of learning from U.S. legal experiences in noise control for Vietnam. It further analyzes and evaluates key aspects of U.S. noise control regulations to derive lessons that Vietnam can apply to improve its legal framework on this issue.

Keywords: *noise control, law, United States, lessons, Vietnam*

DOI: https://doi.org/10.70236/khplvn.841
Ngày nhận bài: 12/02/2026 **Ngày duyệt đăng: 15/8/2026**

Tiếng ồn đang ngày càng trở thành một vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe con người mà còn đến sự phát triển bền vững của xã hội. Trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam, mức độ ô nhiễm tiếng ồn đang tăng cao, đặc biệt ở các thành phố lớn và khu vực đông dân cư.[1] Tuy nhiên, các biện pháp pháp lý để kiểm soát tiếng ồn (KSTO) hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, cả về mức độ chi tiết trong quy định lẫn hiệu quả thực thi.[2] Trong khi đó, Hoa Kỳ được biết đến là quốc gia tiên phong trong việc xây dựng và thực thi các quy định pháp luật về KSTO với sự ra đời của Luật KSTO năm 1972. Luật KSTO của Hoa Kỳ không chỉ cung cấp khuôn khổ pháp lý rõ ràng mà còn đảm bảo tính khả thi thông qua sự phối hợp giữa các cấp chính quyền và cộng đồng. Mặc dù Việt Nam và Hoa Kỳ có nhiều khác biệt về điều kiện kinh tế, xã hội và mô hình quản lý, song kinh nghiệm của pháp luật Hoa Kỳ vẫn có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong việc lựa chọn và tổ chức các công cụ KSTO. Điểm đáng chú ý không nằm ở sự tương đồng tuyệt đối giữa hai quốc gia, mà ở cách pháp luật Hoa Kỳ xác định nguồn ồn cần kiểm soát, đặt ra yêu cầu kỹ thuật, phân định trách nhiệm quản lý và bảo đảm tuân thủ. Đây là những vấn đề Việt Nam cũng cần tiếp tục hoàn thiện trong pháp luật về KSTO. Chính vì vậy, việc tập trung phân tích các quy định pháp luật về KSTO tại Hoa Kỳ, đánh giá hiệu quả của

1 Trần Linh Huân, "Thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 393, 2023, tr. 47.

2 Trần Linh Huân, Phan Thị Kim Ngân, "Pháp luật về ngăn chặn ô nhiễm tiếng ồn - Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 392, 2023, tr. 27.

chúng và đề xuất một số kinh nghiệm hữu ích nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả KSTO tại Việt Nam là điều cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

1. Sự cần thiết của việc học hỏi kinh nghiệm pháp luật Hoa Kỳ về kiểm soát tiếng ồn đối với Việt Nam

Trong phạm vi nghiên cứu, KSTO được hiểu là tổng thể các hoạt động của Nhà nước, tổ chức và cá nhân nhằm phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu, ngăn chặn và xử lý tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của con người, bảo đảm mức ồn không vượt quá giới hạn cho phép và không gây tác động xấu đến sức khỏe con người, đời sống cộng đồng, chất lượng môi trường. Xét dưới góc độ pháp luật môi trường, KSTO không chỉ giới hạn ở việc xử lý tiếng ồn đã vượt quy chuẩn mà còn bao gồm việc thiết lập các yêu cầu, giới hạn và điều kiện đối với nguồn gây ồn; theo dõi, đo đạc, đánh giá mức ồn; áp dụng các biện pháp giảm thiểu, ngăn chặn khi có nguy cơ hoặc xảy ra vi phạm; đồng thời xác lập trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể gây tiếng ồn. Hiện nay, Việt Nam đang đối mặt với vấn đề ô nhiễm tiếng ồn ngày càng nghiêm trọng do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và sự gia tăng phương tiện giao thông.[3] Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về KSTO hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa đầy đủ và thiếu tính thực thi mạnh mẽ.[4] Vì vậy, việc nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm pháp luật Hoa Kỳ về KSTO là cần thiết đối với Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp lý về vấn đề này, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật về KSTO trong bối cảnh tác động của tiếng ồn đến sức khỏe và chất lượng môi trường sống ngày càng được quan tâm. Các khảo sát tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận mức tiếng ồn giao thông tương đối cao, đồng thời cho thấy mức độ khó chịu của cộng đồng tăng theo mức phơi nhiễm tiếng ồn.[5] Trong khi đó, Hoa Kỳ đã sớm xây dựng khuôn khổ pháp luật chuyên biệt về KSTO ở cấp liên bang với sự ra đời của Đạo luật KSTO năm 1972.[6] Quá trình hình thành và thực thi pháp luật qua nhiều giai đoạn của Hoa Kỳ sẽ cung cấp nguồn kinh nghiệm có giá trị để Việt Nam tham khảo trong quá trình tiếp tục hoàn thiện pháp luật về KSTO.

Hai là, sự cần thiết của việc học hỏi kinh nghiệm Hoa Kỳ còn xuất phát từ những hạn chế trong pháp luật KSTO của Việt Nam. Nghiên cứu gần đây cho thấy các quy định của Việt Nam còn phân tán và chưa quy định rõ một số nội dung như phân loại nguồn tiếng ồn, kế hoạch kiểm soát ở phạm vi quốc gia, bản đồ tiếng ồn và trách nhiệm pháp lý đối với một số hành vi vi phạm.[7] Trong khi đó, Hoa Kỳ đã có quá trình dài xây dựng và áp dụng pháp luật trong lĩnh vực này. Việc nghiên cứu kinh nghiệm Hoa Kỳ vì vậy giúp Việt Nam có thêm cơ sở đối chiếu để nhận diện những nội dung còn thiếu hoặc chưa được giải quyết đầy đủ trong pháp luật hiện hành.

Ba là, kinh nghiệm Hoa Kỳ có giá trị không chỉ ở việc hình thành sớm một khuôn khổ pháp luật riêng về KSTO mà còn ở quá trình thực thi đã bộc lộ cả những kết quả

3 Phạm Thị Hồng Tâm, Trần Linh Huân, "Thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn và một số yêu cầu đặt ra", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 140(201), 2022, tr. 132.

4 Trần Linh Huân, "Quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 10, 2024, tr. 62, https://doi.org/10.70236/tckhplvn.136

5 Hai Yen Thi Phan, Takashi Yano, Hai Anh Thi Phan, Tsuyoshi Nishimura, Tetsumi Sato, Yoritaka Hashimoto, "Community responses to road traffic noise in Hanoi and Ho Chi Minh City", *Applied Acoustics*, Vol. 71(02), 2010, tr. 107–114, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2009.08.004

6 Joshua U. Galperin, "Noise Law", *Michigan Journal of Environmental & Administrative Law*, Vol. 15, 2025, tr. 81, https://doi.org/10.36640/mjeal.15.1.noise

7 Quang Chinh Nguyen, An Thanh Thi Chu, Bao Gia Truong, Duyen Hong Thuc Nguyen, "Noise pollution in developing countries: Loopholes and recommendations for Vietnam law", *City and Environment Interactions*, Vol. 25, 2025, Article 100187, https://doi.org/10.1016/j.cacint.2025.100187

và hạn chế của hệ thống này. Các nghiên cứu gần đây cho thấy cơ chế KSTO liên bang Hoa Kỳ từng được xây dựng tương đối toàn diện nhưng sau đó suy giảm, đồng thời tồn tại tình trạng phân tán thẩm quyền giữa Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và các cơ quan liên bang khác.[8] Đáng chú ý, sau khi chương trình KSTO liên bang bị chấm dứt vào đầu thập niên 1980, số lượng và chất lượng các chương trình KSTO ở cấp bang và địa phương cũng giảm đáng kể.[9] Những kinh nghiệm này có ý nghĩa đối với Việt Nam bởi chúng cho phép xem xét không chỉ nội dung của các giải pháp pháp lý mà cả những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bốn là, việc học hỏi kinh nghiệm Hoa Kỳ còn cần thiết để Việt Nam có thêm cơ sở khi xem xét các giải pháp hoàn thiện pháp luật về KSTO. Một quy định hoặc mô hình pháp lý được hình thành trong một hệ thống nhất định không đương nhiên có thể vận hành hiệu quả khi được chuyển sang một hệ thống khác, bởi khả năng thích ứng còn phụ thuộc vào môi trường chính trị, kinh tế, xã hội của quốc gia tiếp nhận.[10] Vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm Hoa Kỳ giúp Việt Nam có thêm cơ sở để đánh giá giá trị và giới hạn của các giải pháp đã được áp dụng trên thực tế trước khi xem xét khả năng vận dụng trong điều kiện trong nước.

2. Một số điểm nổi bật trong quy định về kiểm soát tiếng ồn theo pháp luật Hoa Kỳ

Trong những năm 1960 và đầu 1970, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp hóa và đô thị hóa, tiếng ồn môi trường trở thành một vấn đề ngày càng nghiêm trọng tại Hoa Kỳ. Tiếng ồn từ giao thông, công nghiệp, xây dựng và các hoạt động hàng không đã vượt qua ngưỡng chịu đựng của con người, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống và môi trường.[11] Nghị viện của Hoa Kỳ nhận định, tiếng ồn không được kiểm soát đầy đủ sẽ gây ra mối nguy hại ngày càng tăng đối với sức khỏe và phúc lợi của dân cư quốc gia, đặc biệt ở các khu vực đô thị.[12] Trước tình hình đó, Chính phủ Hoa Kỳ nhận thấy cần thiết phải có một khung pháp lý toàn diện cho KSTO, điều này dẫn đến việc ban hành Đạo luật KSTO vào năm 1972. Đạo luật này đã trở thành văn bản pháp luật đầu tiên của Hoa Kỳ quy định chi tiết về việc giảm thiểu và quản lý tiếng ồn và sau đó được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1976, 1978, 1988. Việc ban hành Đạo luật KSTO năm 1972 được cộng đồng quốc tế đánh giá là một khởi đầu rất tích cực cho một chương trình toàn diện nhằm KSTO môi trường.[13] Theo đó, nội dung Đạo luật KSTO năm 1972 của Hoa Kỳ có những điểm nổi bật sau:

Một là, thiết lập cơ chế KSTO đối với sản phẩm từ khâu xác lập tiêu chuẩn, cung cấp thông tin đến bảo đảm tuân thủ trong quá trình lưu thông và sử dụng. Theo Đạo luật KSTO, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ có trách nhiệm xác định những sản phẩm được xem là nguồn gây tiếng ồn chính. Đối với sản phẩm đã được xác định thuộc nhóm này, nếu việc thiết lập tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn được đánh giá là khả thi và thuộc các

8 Joshua U. Galperin, *tldd* (6), tr. 59-102.

9 Joseph J. Soporowski III, *The status of key state and local noise control programs that served as a basis for discontinuing a federal program in 1982*, National Network for Environmental Management Studies, Office of Cooperative Environmental Management, U.S. Environmental Protection Agency, 1990, tr. 40-42.

10 O. Kahn-Freund, "On uses and misuses of comparative law", *The Modern Law Review*, Vol. 37(01), 1974, tr. 5-7, https://doi.org/10.1111/j.1468-2230.1974.tb02366.x, Monica S. Hammer, Tracy K. Swinburn, Richard L. Neitzel, "Environmental noise pollution in the United States: Developing an effective public health response", *Environmental Health Perspectives,* Vol. 122(02), 2014, tr. 115 , https://doi.org/10.1111/j.1468-2230.1974.tb02366.x

11 Monica S. Hammer, Tracy K. Swinburn, Richard L. Neitzel, "Environmental noise pollution in the United States: Developing an effective public health response", *Environmental Health Perspectives*, Vol. 122(02), 2014, tr. 115, https://doi.org/10.1289/ehp.1307272

12 Điều 2 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

13 Lawrence S. Finegold, Michiko So Finegold, George C. Maling, Jr., "An overview of U.S. noise policy", *Noise Control Engineering Journal*, Vol. 51(3), 2003, tr. 136, https://doi.org/10.3397/1.2839706

nhóm luật định, cơ quan này phải xây dựng và ban hành quy định về tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn.[14] Phạm vi này bao gồm thiết bị xây dựng, thiết bị vận tải, động cơ, máy móc và thiết bị điện, điện tử. [15] Tiêu chuẩn được ban hành phải xác định giới hạn phát thải cần thiết để bảo vệ sức khỏe và phúc lợi công cộng, đồng thời tính đến điều kiện sử dụng sản phẩm, khả năng giảm tiếng ồn bằng công nghệ tốt nhất hiện có và chi phí tuân thủ.[16] Khi quy định có hiệu lực, nhà sản xuất phải bảo đảm sản phẩm mới được thiết kế, chế tạo và trang bị phù hợp với tiêu chuẩn tại thời điểm bán.[17] Bên cạnh việc quy định tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn, Đạo luật còn yêu cầu cung cấp thông tin về tiếng ồn đối với một số sản phẩm.[18] Cụ thể, yêu cầu này áp dụng đối với sản phẩm phát ra tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe hoặc phúc lợi công cộng và đối với sản phẩm được đưa ra thị trường với công dụng giảm tiếng ồn.[19] Đối với các sản phẩm này, thông tin cung cấp cho người sử dụng phải thể hiện mức tiếng ồn phát ra hoặc khả năng giảm tiếng ồn của sản phẩm; đồng thời, phải xác định thống nhất cách thức công bố, vị trí thể hiện thông tin, phương pháp đo và đơn vị đo được sử dụng.[20] Các bang và đơn vị chính trị thuộc bang vẫn có thể quy định về việc ghi nhãn hoặc cung cấp thông tin đối với sản phẩm, miễn là không trái với quy định liên bang.[21] Các quy định này cho thấy pháp luật Hoa Kỳ KSTO đối với sản phẩm theo một chuỗi tương đối đầy đủ, từ nhận diện nguồn ồn chính, thiết lập tiêu chuẩn phát thải, cung cấp thông tin đến bảo đảm sản phẩm tuân thủ yêu cầu pháp luật khi đưa ra thị trường. Giá trị nổi bật của cơ chế này là việc kiểm soát không chỉ được thực hiện sau khi tiếng ồn đã phát sinh trong quá trình sử dụng, mà còn được đặt ra ngay từ các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm. Đồng thời, tiêu chuẩn phát thải không được xác lập một cách tuyệt đối mà phải cân nhắc giữa yêu cầu bảo vệ sức khỏe, phúc lợi công cộng với điều kiện sử dụng, khả năng giảm tiếng ồn bằng công nghệ hiện có và chi phí tuân thủ. Bên cạnh đó, nghĩa vụ cung cấp thông tin giúp người sử dụng có cơ sở nhận biết đặc tính tiếng ồn của sản phẩm, qua đó bổ sung cho cơ chế kiểm soát bằng tiêu chuẩn phát thải. Cách tiếp cận này góp phần phân bổ trách nhiệm kiểm soát tiếng ồn cho cả cơ quan quản lý, nhà sản xuất và người sử dụng, đồng thời tạo cơ sở để phòng ngừa tiếng ồn ngay từ trước khi sản phẩm được đưa vào sử dụng.

Hai là, quy định cụ thể các yêu cầu về hồ sơ, báo cáo và cung cấp thông tin nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định KSTO, đồng thời bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan.[22] Theo đó, nhà sản xuất sản phẩm phải lập và duy trì hồ sơ, thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin và tiến hành thử nghiệm khi được yêu cầu để xác minh việc tuân thủ các quy định.[23] Khi có yêu cầu của công chức hoặc nhân viên được người đứng đầu Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ chỉ định, nhà sản xuất phải tạo điều kiện để họ tiếp cận thông tin, xem xét kết quả thử nghiệm và sao chép các hồ sơ có liên quan vào thời điểm hợp lý. Đồng thời, trong phạm vi được quy định, nhà sản xuất phải cung cấp các sản phẩm vừa ra khỏi dây chuyền lắp ráp hoặc đang thuộc sự quản lý của mình để Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ tiến hành thử nghiệm.[24] Mọi thông tin liên quan

14 Điều 5 và Điều 6 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
15 Điều 6 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
16 *Như trên.*
17 *Như trên.*
18 Điều 5 và Điều 8 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
19 *Như trên.*
20 *Như trên.*
21 *Như trên.*
22 Điều 13 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
23 *Như trên.*
24 Điểm 1 Điều 3; điểm (2), (3) khoản a Điều 13 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

đến bí mật thương mại thu thập được sẽ được bảo mật theo quy định pháp luật nhưng có thể được chia sẻ với các cơ quan liên bang trong phạm vi cần thiết hoặc trong các tranh chấp pháp lý liên quan.[25] Ngoài ra, những hành vi cung cấp thông tin sai lệch, làm giả, hoặc can thiệp vào các thiết bị giám sát sẽ bị xử phạt nghiêm khắc, bao gồm phạt tiền tối đa 10.000 USD, phạt tù tối đa sáu tháng, hoặc cả hai.[26] Những quy định này tạo cơ sở để cơ quan quản lý kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu KSTO thông qua hồ sơ, báo cáo, thông tin và kết quả thử nghiệm do nhà sản xuất cung cấp; đồng thời bảo đảm khả năng tiếp cận, kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm khi cần thiết. Bên cạnh đó, cơ chế bảo mật đối với thông tin thương mại nhạy cảm góp phần cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, trong khi các chế tài đối với hành vi cung cấp thông tin sai lệch, làm giả hoặc can thiệp vào thiết bị giám sát giúp tăng cường tính trung thực và trách nhiệm trong quá trình tuân thủ pháp luật về KSTO.

Ba là, quy định các biện pháp xử lý vi phạm nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định KSTO, với hình phạt được xác định rõ ràng để tạo cơ chế răn đe hiệu quả.[27] Theo đó, Đạo luật quy định chế tài đối với một số hành vi vi phạm quan trọng, gồm phân phối sản phẩm mới không đáp ứng tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn hoặc không đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin về tiếng ồn; nhập khẩu sản phẩm mới trái với quy định áp dụng; không thực hiện hoặc từ chối thực hiện một số nghĩa vụ tuân thủ được Đạo luật quy định.[28] Trường hợp người vi phạm cố ý hoặc biết rõ mà thực hiện các hành vi này, họ có thể bị phạt tiền không quá 25.000 USD cho mỗi ngày vi phạm, phạt tù không quá một năm hoặc đồng thời cả hai hình phạt.[29] Nếu tiếp tục vi phạm sau khi đã bị kết án về hành vi này, mức phạt có thể tăng lên 50.000 USD cho mỗi ngày vi phạm, phạt tù tối đa hai năm hoặc đồng thời cả hai hình phạt.[30] Bên cạnh đó, Đạo luật còn quy định trách nhiệm dân sự với mức phạt tối đa 10.000 USD cho mỗi ngày vi phạm và mỗi ngày hành vi vi phạm tiếp tục được xác định là một vi phạm riêng biệt.[31] Tòa án khu vực Hoa Kỳ có thẩm quyền xử lý các vụ kiện liên quan nhằm ngăn chặn vi phạm.[32] Các quy định này cho thấy pháp luật Hoa Kỳ kết hợp giữa xử phạt, ngăn chặn và phòng ngừa tái phạm, qua đó tạo sức ép tuân thủ liên tục đối với các chủ thể vi phạm. Việc gắn mức phạt với thời gian vi phạm và cho phép áp dụng các biện pháp ngăn chặn giúp nâng cao hiệu quả thực thi, đồng thời hạn chế nguy cơ kéo dài các hành vi gây ảnh hưởng đến sức khỏe và phúc lợi công cộng.

Bốn là, quy định đưa ra các biện pháp toàn diện nhằm KSTO, bao gồm nghiên cứu, giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật, với mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nâng cao năng lực tại các bang và địa phương.[33] Người đứng đầu Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ có trách nhiệm xây dựng và phổ biến thông tin, tài liệu giáo dục về tác động của tiếng ồn đối với sức khỏe cộng đồng và các biện pháp KSTO thông qua chương trình giảng dạy trong trường học, các tổ chức tình nguyện, chương trình phát thanh, truyền hình, ấn phẩm và các phương thức khác.[34] Đồng thời, Đạo luật yêu cầu thực hiện hoặc tài trợ

25 Khoản b Điều 13 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
26 Điểm c Điều 13 Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
27 Điều 11 Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
28 Điểm 1, 3, 5, 6 khoản a Điều 10 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
29 Điểm 1, 3, 5, 6 khoản a Điều 10, điểm 1 khoản a Điều 11 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
30 Khoản a Điều 11 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
31 Khoản a, b Điều 11 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
32 John H. Chu, "Judicial review of EPA action under the citizen suit provision", *Columbia Journal of Environmental Law*, Vol. 3(2), 1977, tr. 262–305, https://doi.org/10.7916/cjel.v3i2.4064
33 Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972)..
34 Khoản a Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

cho các nghiên cứu về tác động tâm lý và sinh lý của tiếng ồn, công nghệ KSTO, thiết bị giám sát và việc sử dụng các công cụ kinh tế, bao gồm phí phát thải tiếng ồn.[35] Đạo luật cũng yêu cầu xây dựng và triển khai chương trình đánh giá môi trường tiếng ồn quốc gia nhằm xác định xu hướng phơi nhiễm và phản ứng với tiếng ồn, mức tiếng ồn môi trường, tình hình tuân thủ và hiệu quả của các biện pháp giảm tiếng ồn.[36] Bên cạnh đó, các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật khu vực được thành lập trên cơ sở khai thác năng lực của các trường đại học và tổ chức tư nhân; đồng thời triển khai các chương trình đào tạo, hội thảo cấp quốc gia và khu vực, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và xây dựng pháp luật mẫu về KSTO cho chính quyền bang và địa phương.[37] Những nỗ lực này không chỉ tăng cường khả năng KSTO mà còn đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kiến thức, góp phần tạo ra một môi trường sống an toàn, lành mạnh hơn. Bên cạnh đó, Đạo luật còn quy định thúc đẩy phát triển và sử dụng các sản phẩm phát thải tiếng ồn thấp trong hoạt động của Chính phủ Liên bang, nhằm giảm tiếng ồn và khuyến khích công nghệ thân thiện với môi trường.[38] Các sản phẩm này được xác định, chứng nhận và giám sát bởi EPA với thời hạn chứng nhận một năm.[39] Ủy ban Tư vấn sản phẩm phát thải tiếng ồn thấp có thể được thành lập để hỗ trợ đánh giá và quyết định chứng nhận.[40] Các sản phẩm đạt chuẩn sẽ được ưu tiên mua sắm nếu chi phí không vượt quá 125% giá bán lẻ của sản phẩm thay thế, đồng thời được giám sát định kỳ để đảm bảo duy trì tiêu chuẩn[41]. Những quy định này cho thấy Đạo luật không chỉ KSTO trong phạm vi hoạt động của Chính phủ Liên bang mà còn sử dụng chính sách mua sắm công như một công cụ định hướng thị trường. Thông qua việc ưu tiên các sản phẩm có mức phát thải tiếng ồn thấp, Nhà nước tạo động lực để nhà sản xuất đầu tư vào công nghệ giảm ồn, cải thiện đặc tính môi trường của sản phẩm và từng bước hình thành nhu cầu đối với các sản phẩm ít gây tiếng ồn. Qua đó, KSTO được thực hiện theo hướng phòng ngừa từ nguồn, đồng thời kết hợp giữa yêu cầu pháp lý, công cụ kinh tế và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ sức khỏe cộng đồng và chất lượng môi trường sống.

3. Một số kinh nghiệm hoàn thiện cho pháp luật Việt Nam

Việc tiếp nhận kinh nghiệm pháp luật nước ngoài không đồng nghĩa với việc sao chép một quy định hay mô hình quản lý, mà đòi hỏi phải xem xét chức năng của giải pháp đó và khả năng thích ứng với điều kiện pháp lý, kinh tế, xã hội của quốc gia tiếp nhận.[42] Theo đó, kinh nghiệm pháp luật Hoa Kỳ chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam khi được đặt trong mối liên hệ với những vấn đề thực tiễn và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về KSTO trong nước. Vì vậy, những kinh nghiệm rút ra từ Đạo luật KSTO Hoa Kỳ cần được lựa chọn trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và điều kiện của Việt Nam. Cụ thể:

Một là, tăng cường KSTO ngay từ nguồn phát sinh. Yêu cầu này phù hợp với nguyên tắc phòng ngừa trong pháp luật môi trường Việt Nam, theo đó hoạt động bảo vệ môi trường phải ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường và quản lý rủi ro về môi trường.[43] Đối với tiếng ồn, việc kiểm soát từ sớm có ý nghĩa ở chỗ

35 Khoản b Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
36 Khoản d Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
37 Khoản c, e, f Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
38 Khoản c, d Điều 15 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
39 Khoản b Điều 15 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
40 *Như trên*.
41 Khoản c, d, f Điều 15 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).
42 O. Kahn-Freund, *tlđd*, tr. 1–3.
43 Khoản 4 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

sẽ giúp hạn chế khả năng phát sinh tiếng ồn ngay từ đặc tính kỹ thuật của nguồn, thay vì chỉ kiểm soát sau khi tiếng ồn đã được phát sinh và lan truyền ra môi trường. Pháp luật Việt Nam hiện đã thiết lập giới hạn tối đa mức ồn tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.[44] Tuy nhiên, từ cấu trúc quy định hiện hành có thể thấy việc KSTO vẫn chưa hình thành thành một cơ chế thống nhất theo hướng nhận diện có hệ thống những nhóm sản phẩm, máy móc, thiết bị đóng góp đáng kể vào ô nhiễm tiếng ồn để từ đó quyết định mức độ kiểm soát phù hợp ngay từ nguồn. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ cho thấy một cách tiếp cận đáng tham khảo. Theo Đạo luật KSTO của Hoa Kỳ, việc KSTO từ sản phẩm được thực hiện theo mức độ tác động của từng nhóm sản phẩm. Theo đó, Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ có trách nhiệm xác định những sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm được xem là nguồn gây tiếng ồn chính. Đối với các nhóm sản phẩm này, pháp luật cho phép xây dựng tiêu chuẩn giới hạn mức tiếng ồn phát ra, đồng thời yêu cầu việc xây dựng tiêu chuẩn phải tính đến khả năng giảm tiếng ồn bằng công nghệ và chi phí tuân thủ.[45] Bên cạnh kiểm soát mức phát thải, Đạo luật còn thiết lập cơ chế cung cấp thông tin về tiếng ồn của sản phẩm. Theo đó, đối với sản phẩm có khả năng phát ra tiếng ồn gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe, phúc lợi công cộng hoặc được quảng bá dựa trên khả năng giảm tiếng ồn, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu cung cấp thông tin về mức tiếng ồn phát ra hoặc hiệu quả giảm tiếng ồn để người sử dụng có cơ sở nhận biết và lựa chọn sản phẩm.[46] Đáng chú ý, việc thiết lập tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn đối với sản phẩm theo pháp luật Hoa Kỳ không được thực hiện một cách đồng loạt. Khi xác định giới hạn phát thải, cơ quan quản lý phải tính đến mức độ và điều kiện sử dụng của sản phẩm, mức giảm tiếng ồn có thể đạt được thông qua công nghệ tốt nhất hiện có và chi phí tuân thủ.[47] Vì vậy, kinh nghiệm có thể tham khảo đối với Việt Nam là trước hết cần xác định những loại sản phẩm thực sự gây ra mức tiếng ồn đáng kể; sau đó đánh giá khả năng giảm tiếng ồn bằng công nghệ và chi phí thực hiện. Trên cơ sở đó mới quyết định có cần áp dụng tiêu chuẩn phát thải tiếng ồn, yêu cầu cung cấp thông tin hoặc biện pháp quản lý khác đối với từng nhóm sản phẩm hay không. Theo hướng này, Việt Nam nên rà soát các nhóm phương tiện, máy móc, thiết bị có mức phát thải tiếng ồn lớn, được sử dụng phổ biến và có khả năng giảm tiếng ồn bằng các giải pháp kỹ thuật khả thi để xác định những nhóm cần ưu tiên kiểm soát. Đối với các nhóm đáp ứng những tiêu chí này, có thể từng bước bổ sung giới hạn phát thải tiếng ồn hoặc yêu cầu công bố thông tin về mức phát thải trong các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hiện có. Cách tiếp cận này vừa cụ thể hóa yêu cầu phòng ngừa ô nhiễm tiếng ồn tại nguồn, vừa hạn chế việc hình thành một cơ chế kiểm định, chứng nhận mới trên diện rộng khi chưa có đầy đủ cơ sở khoa học, kỹ thuật và thực tiễn.

Hai là, cần tăng cường khả năng kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu về KSTO. Do mức ồn có thể thay đổi theo thời điểm và chế độ hoạt động của nguồn nên kết quả đo tại một thời điểm nhất định không phải lúc nào cũng phản ánh đầy đủ tình trạng phát thải cần đánh giá.[48] Vì vậy, bên cạnh việc quy định giới hạn tiếng ồn và phương pháp đo, pháp luật cần tạo cơ sở để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu các thông tin

44 Mục 1.1 Mục 1 QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

45 Điều 5,6 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

46 Điều 8 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

47 Điều 6 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

48 Dermot Geraghty, Margaret O'Mahony, "Investigating the temporal variability of noise in an urban environment", *International Journal of Sustainable Built Environment*, Vol. 5(01), 2016, tr. 34–45, https://doi.org/10.1016/j.ijsbe.2016.01.002; Antonio J. Torija, Diego P. Ruiz & Ángel Ramos-Ridao, "Required stabilization time, short-term variability and impulsiveness of the sound pressure level to characterize the temporal composition of urban soundscapes", *Applied Acoustics*, Vol. 72(2–3), 2011, tr. 89-99, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2010.09.011

liên quan đến quá trình phát sinh và KSTO. Kinh nghiệm Hoa Kỳ cho thấy yêu cầu này được hỗ trợ bằng cơ chế lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin và thực hiện thử nghiệm đối với các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý; cơ quan có thẩm quyền được tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm tra, trong khi thông tin thuộc diện bảo mật vẫn được pháp luật bảo vệ.[49] Cách tiếp cận này cho thấy khả năng kiểm chứng cần được xem là một bộ phận của cơ chế bảo đảm thực thi các yêu cầu về KSTO. Yêu cầu này đặc biệt có ý nghĩa đối với Việt Nam trong bối cảnh số lượng vụ việc liên quan đến tiếng ồn cần tiếp nhận, xác minh, xử lý còn lớn. Năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện 8.679 trường hợp vi phạm liên quan đến tiếng ồn, trong đó 135 trường hợp bị xử phạt; trong tám tháng đầu năm 2023, Cổng thông tin 1022 tiếp nhận 11.115 phản ánh, tập trung nhiều vào buổi tối và ban đêm.[50] Các số liệu này cho thấy áp lực đáng kể đối với hoạt động phát hiện, xác minh, xử lý vi phạm tiếng ồn, qua đó đặt ra yêu cầu phải tăng cường cơ sở thông tin và công cụ hỗ trợ kiểm chứng việc tuân thủ. Mặc dù Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2025/BNNMT) đã đặt ra yêu cầu bảo đảm tính đại diện của việc đo tiếng ồn, tuy nhiên đối với các nguồn hoạt động không liên tục hoặc thay đổi theo chế độ vận hành, dữ liệu thu được tại thời điểm kiểm tra vẫn có thể chưa phản ánh đầy đủ tình trạng tuân thủ.[51] Do đó, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc thiết bị có nguy cơ phát sinh tiếng ồn lớn, đặc biệt là nguồn hoạt động theo từng thời điểm hoặc có mức ồn thay đổi theo chế độ vận hành, pháp luật Việt Nam cần nghiên cứu quy định chủ thể vận hành phải lưu giữ các thông tin cần thiết để phục vụ việc kiểm tra, như kết quả đo tiếng ồn, thời gian, chế độ hoạt động của thiết bị, tình trạng vận hành của hệ thống giảm ồn và kết quả thử nghiệm kỹ thuật có liên quan. Khi có yêu cầu kiểm tra hoặc xác minh phản ánh về tiếng ồn, các thông tin này phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền để đối chiếu với kết quả đo thực tế và xác định tình trạng tuân thủ. Đồng thời, nghĩa vụ này cần được thiết kế theo mức độ rủi ro, xác định rõ phạm vi, thời hạn lưu giữ thông tin, bảo đảm bí mật kinh doanh và tránh tạo ra chế độ báo cáo đại trà không cần thiết.

Ba là, cần hoàn thiện cơ chế xử lý theo hướng bảo đảm hành vi vi phạm được chấm dứt kịp thời và không kéo dài. Pháp luật Việt Nam hiện đã quy định mức xử phạt tăng dần theo mức độ vượt quy chuẩn tiếng ồn; đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng còn có thể áp dụng đình chỉ hoạt động, đồng thời buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định.[52] Vì vậy, vấn đề đặt ra không đơn thuần là tăng mức phạt hoặc tiếp nhận nguyên cơ chế phạt theo ngày của Hoa Kỳ, mà là bảo đảm quyết định xử lý thực sự dẫn đến việc chấm dứt tình trạng không tuân thủ. Ở phương diện này, Đạo luật KSTO của Hoa Kỳ có giá trị tham khảo ở cách xử lý hành vi vi phạm kéo dài. Theo Đạo luật, mỗi ngày tiếp tục vi phạm có thể được coi là một vi phạm riêng; đồng thời, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm hoặc khởi kiện tại Tòa án để buộc chủ thể vi phạm ngừng tiếp tục thực hiện hành vi đó.[53] Cơ chế này cho thấy trọng tâm của thực thi không chỉ nằm ở việc áp dụng chế tài đối với hành vi đã xảy ra, mà còn ở việc tạo sức ép pháp lý để chủ

49 Điều 13 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

50 Cẩm Nương, "TP.HCM nhận hơn 11.000 phản ánh tiếng ồn, ồn nhất từ 18h–22h", *Báo điện tử Tuổi trẻ*, 2023, https://tuoitre.vn/tp-hcm-nhan-hon-11-000-phan-anh-tieng-on-on-nhat-tu-18h-22h-20230930171724509.htm, truy cập ngày 25/9/2026.

51 Consolatina Liguori, Alessandro Ruggiero, Domenico Russo, Paolo Sommella, "Estimation of the minimum measurement time interval in acoustic noise", *Applied Acoustics*, Vol. 127, 2017, tr. 126-132, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2017.05.032

52 Khoản 11, khoản 12 Điều 22 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

53 Điều 11 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

thể sớm đưa hoạt động trở lại trạng thái tuân thủ. Điểm này đặc biệt có ý nghĩa đối với KSTO, bởi nhiều nguồn ồn không phát sinh liên tục mà phụ thuộc vào thời điểm hoặc chế độ vận hành; vì vậy, việc tạm thời ngừng phát sinh tiếng ồn tại thời điểm kiểm tra chưa đồng nghĩa với việc vi phạm đã được khắc phục một cách bền vững. Theo hướng đó, pháp luật Việt Nam cần làm rõ hơn tiêu chí xác định việc đã hoàn thành biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, trách nhiệm kiểm tra lại sau thời hạn khắc phục và hậu quả pháp lý khi hết thời hạn mà nguồn ồn vẫn chưa đạt quy chuẩn. Đồng thời, cần quy định rõ căn cứ xác định hành vi vi phạm còn tiếp tục hoặc đã tái diễn để cơ quan có thẩm quyền có thể xác định việc áp dụng biện pháp xử lý tiếp theo mà không phải chờ phát sinh một quy trình xử lý hoàn toàn mới. Như vậy, trọng tâm của việc hoàn thiện ở đây không phải là tăng mức phạt một cách cơ học, mà là bảo đảm vi phạm được phát hiện, buộc chấm dứt và không tiếp tục kéo dài.

Bốn là, hoàn thiện pháp luật về KSTO phải gắn với việc thiết lập đầy đủ các điều kiện pháp lý bảo đảm cho quá trình thực thi. Kinh nghiệm Hoa Kỳ cho thấy bên cạnh tiêu chuẩn và chế tài, pháp luật còn thiết lập các chương trình nghiên cứu, giáo dục cộng đồng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, bảo đảm chất lượng thiết bị, quy trình quan trắc, đồng thời hỗ trợ chính quyền bang và địa phương xây dựng năng lực KSTO.[54] Tuy nhiên, khi chương trình KSTO liên bang bị thu hẹp và chấm dứt vào đầu thập niên 1980, các chương trình ở cấp bang và địa phương cũng suy giảm đáng kể. Báo cáo năm 1990 được thực hiện dưới sự bảo trợ của Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ cho thấy cả số lượng và chất lượng các chương trình KSTO cấp bang và địa phương đều giảm sau khi sự hỗ trợ ở cấp liên bang chấm dứt.[55] Thực tiễn này cho thấy hiệu quả của pháp luật không chỉ phụ thuộc vào việc có quy định về giới hạn tiếng ồn và chế tài xử lý, mà còn phụ thuộc vào việc pháp luật có thiết lập đầy đủ cơ chế bảo đảm cho các quy định đó được áp dụng trên thực tế hay không. Điều này có ý nghĩa đối với Việt Nam, bởi QCVN 26:2025/BNNMT đã đặt ra trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đo đạc, quan trắc mức ồn tại khu vực bị ảnh hưởng, xây dựng kế hoạch tổng thể KSTO và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn.[56] Tuy nhiên, để các trách nhiệm này được thực hiện thống nhất và ổn định, pháp luật cần tiếp tục cụ thể hóa cơ chế bảo đảm thực thi, bao gồm trách nhiệm của từng cơ quan trong tổ chức đo đạc, quan trắc, kiểm tra tiếng ồn; yêu cầu về phương pháp, thiết bị, dữ liệu phục vụ kiểm chứng kết quả đo; cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có liên quan; cũng như trách nhiệm bảo đảm nguồn lực kỹ thuật và chuyên môn cần thiết cho hoạt động KSTO. Chỉ khi những điều kiện này được bảo đảm, các quy định về giới hạn tiếng ồn, kiểm tra, xử lý vi phạm mới có khả năng được thực hiện ổn định, hiệu quả trên thực tế. ●

Tài liệu tham khảo

[1] John H. Chu, "Judicial review of EPA action under the citizen suit provision", Columbia Journal of Environmental Law, Vol. 3(2), 1977, https://doi.org/10.7916/cjel.v3i2.4064

[2] Lawrence S. Finegold, Michiko So Finegold, George C. Maling, Jr., "An overview of U.S. noise policy", Noise Control Engineering Journal, Vol. 51(3), 2003, https://doi.org/10.3397/1.2839706

[3] Joshua U. Galperin, "Noise Law", *Michigan Journal of Environmental & Administrative Law*, Vol. 15, 2025, https://doi.org/10.36640/mjeal.15.1.noise

54 Điều 14 của Đạo luật Kiểm soát tiếng ồn năm 1972 (Noise Control Act of 1972).

55 Joseph J. Soporowski III, *tlđd*, p. 42

56 Mục 5.2 và Mục 6.1 QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

[4] Dermot Geraghty, Margaret O'Mahony, "Investigating the temporal variability of noise in an urban environment", *International Journal of Sustainable Built Environment*, Vol. 5(1), 2016, https://doi.org/10.1016/j.ijsbe.2016.01.002

[5] Monica S. Hammer, Tracy K. Swinburn, Richard L. Neitzel, "Environmental noise pollution in the United States: Developing an effective public health response", Environmental Health Perspectives, Vol. 122(02), 2014, https://doi.org/10.1289/ehp.1307272

[6] O. Kahn-Freund, "On uses and misuses of comparative law", *The Modern Law Review*, Vol. 37(01), 1974, https://doi.org/10.1111/j.1468-2230.1974.tb02366.x

[7] Consolatina Liguori, Alessandro Ruggiero, Domenico Russo, Paolo Sommella, "Estimation of the minimum measurement time interval in acoustic noise", *Applied Acoustics*, Vol. 127, 2017, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2017.05.032

[8] Quang Chinh Nguyen, An Thanh Thi Chu, Bao Gia Truong, Duyen Hong Thuc Nguyen, "Noise pollution in developing countries: Loopholes and recommendations for Vietnam law", *City and Environment Interactions*, Vol. 25, 2025, https://doi.org/10.1016/j.cacint.2025.100187

[9] Hai Yen Thi Phan, Takashi Yano, Hai Anh Thi Phan, Tsuyoshi Nishimura, Tetsumi Sato, Yoritaka Hashimoto, "Community responses to road traffic noise in Hanoi and Ho Chi Minh City", *Applied Acoustics*, Vol. 71(02), 2010, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2009.08.004

[10] Phạm Thị Hồng Tâm, Trần Linh Huân, "Thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn và một số yêu cầu đặt ra", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 140(201), 2022 [trans: Tran Linh Huan, Pham Thi Hong Tam, "Law enforcement on noise pollution control and some requirements", *Journal of Education and Society*, No. 140(201), 2022]

[11] Joseph J. Soporowski III, *The status of key state and local noise control programs that served as a basis for discontinuing a federal program in 1982*, U.S. Environmental Protection Agency, 1990

[12] Antonio J. Torija, Diego P. Ruiz & Ángel Ramos-Ridao, "Required stabilization time, short-term variability and impulsiveness of the sound pressure level to characterize the temporal composition of urban soundscapes", *Applied Acoustics*, Vol. 72(2–3), 2011, https://doi.org/10.1016/j.apacoust.2010.09.011

[13] Trần Linh Huân, Phan Thị Kim Ngân, "Pháp luật về ngăn chặn ô nhiễm tiếng ồn - Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 392, 2023 [trans: Tran Linh Huan, Phan Thi Kim Ngan, "Law on preventing noise pollution - Current situation and some recommendations for improvement", *Democracy and Law Journal*, No. 392, 2023]

[14] Trần Linh Huân, "Quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 10, 2024 [trans: Current status and recommendations for improvement, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, No. 10, 2024], https://doi.org/10.70236/tckhplvn.136

[15] Trần Linh Huân, "Thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 393, 2023 [trans: Tran Linh Huan, "The current situation of noise pollution in Ho Chi Minh City and some recommendations for improving legal policies", *Democracy and Law Journal*, No. 393, 2023]